

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-PT

Ngày: 28-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ

Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 24/2021/TLPT-HS ngày 04/5/2021 đối với các bị cáo: Nguyễn Thị O và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị O đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

*** Bị cáo kháng cáo:**

Nguyễn Thị O, sinh ngày 17/11/1979, tại Hòa Bình.

Nơi cư trú: xóm M, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; Con ông: Nguyễn Văn Y và bà Phùng Thị Đ. Có chồng là: Nguyễn Văn H (đã chết); có 02 con: Lớn sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; Được triệu tập, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị cáo không kháng cáo:**

Bị cáo: Trần Ngọc L, sinh năm 1976; trú tại: xóm M, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị O có quen biết với một thanh niên tên H không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cư trú. H có số điện thoại của O vì có một, hai lần O bán cho H con sóc khi bắt được.

Sáng ngày 13/8/2020, Nguyễn Thị O đang ăn sáng cùng Trần Ngọc L, Nguyễn Văn H (chồng O), Nguyễn Văn H1 (chồng L) và hai chị gái ruột của Nguyễn Văn H là Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H tại khu vực chợ T thuộc phường T, thành phố H thì H gọi điện cho O từ số điện thoại 0898733371. Qua trao đổi, H nhờ O đi vào huyện Đ lấy hộ cho H một con rắn và hứa trả công cho O số tiền 500.000 đồng. Do bận việc gia đình không đi được nên O từ chối. Lúc này, H đề nghị đưa cho người bán địa chỉ và số điện thoại của O để mang rắn đến nhà cho O và thỏa thuận với O khi nào người mang rắn đến O trả tiền cho người bán, sau khi nhận hàng H sẽ thanh toán cả tiền mua rắn và tiền công. O đồng ý và giao hẹn với H lúc mang rắn đi giao cho H thì O phải đi hai người và H phải trả thêm 200.000 đồng tiền công, H đồng ý và nói sẽ trả thêm 300.000 đồng. Sau đó O nói lại với L về nội dung đã trao đổi với H.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đi chợ về, O nhận được điện thoại của một người đàn ông lạ từ số điện thoại 0368104647 nói rằng đã mang rắn đến khu vực xã H, thành phố H. Qua hướng dẫn của O người này đi xe mô tô đến nhà O; người đàn ông mặc áo mưa màu xanh, trùm đầu và bịt khẩu trang xách theo một thùng giấy cattong là vỏ hộp đựng chai “trà xanh không độ C2” bên trong có đựng một bao tải dứa màu trắng có chứa một con rắn màu đen được đựng trong hai lớp túi cước màu trắng đục. Cùng lúc này, vợ chồng L đi chợ về, O gọi L đi ra đưa cho L 1.000.000 đồng để trả tiền cho người đàn ông mang rắn đến. Sau đó, O mang con rắn cất vào trong chuồng lợn sau nhà và cùng mọi người trong nhà đi có việc cá nhân.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, O và mọi người về nhà chuẩn bị ăn cơm thì H gọi điện bảo O mang con rắn ra khu vực công nghĩa trang S thuộc địa phận phường T, thành phố H để giao cho H. Theo trao đổi từ trước, O gọi L đi theo ngồi sau xe mô tô do O điều khiển xách theo một chiếc làn nhựa bên trong có đựng bao tải màu trắng có con rắn mang cho H. Đến khu vực hẹn, O và L không gặp H nên O gọi điện cho H thì H bảo O mang ra khu vực ngã tư V thuộc phường T do H đang ở đó. O và L tiếp tục lên xem mô tô đi theo đường C thuộc tổ B, phường T thì

bị tố công tác Công an thành phố Hòa Bình phát hiện, bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng đưa về trụ sở Công an phường T lập biên bản theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 540/STTNSV ngày 13/8/2020 của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật – Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam kết luận: Một cá thể động vật đã chết là loài Rắn hổ chúa có tên khoa học là *Ophiophagus hannah* thuộc nhóm IB (Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm) ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ và thuộc Phụ lục I (Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ) ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại bản án số 20/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đã xét xử quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị O và Trần Ngọc L phạm tội: Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244; Điều 17; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 13 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244; Điều 171 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về việc giao quản lý bị cáo trong thời gian thử thách, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/3/2021 bị cáo Nguyễn Thị O kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo O giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Tòa áp cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: Vi phạm quy định về bảo vệ động vật, nguy cấp, quý, hiếm theo điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với kháng cáo của bị cáo, Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết của vụ án và xử phạt bị cáo 13 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, không có việc phân chia vai trò nhiệm vụ, hành vi của bị cáo là bột phát, bị cáo phạm tội chưa được hưởng lời; tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm chứng cứ hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Do vậy, không cần thiết phải cách

ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo hưởng án treo cũng cải tạo, giáo dục được bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm về tội danh, hình phạt, cải biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án này các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm và trong thời hạn luật định bị cáo có kháng cáo hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận điều tra cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm đều thể hiện: Do hám lợi các bị cáo Nguyễn Thị O và Trần Ngọc L đã nhận lời vận chuyển một cá thể rắn hổ chúa cho một người đàn ông tên H để lấy tiền công. Khi hai bị cáo đang đến điểm hẹn giao hàng thì bị phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập, xác minh có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo về tội: Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị O, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình của bị cáo, xử phạt bị cáo 13 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo trong vụ án thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự phân chia vai trò và nhiệm vụ trong việc thực hiện tội phạm, hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là bột phát, chưa được hưởng lời và do nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm chứng cứ là xác nhận của UBND xã H, thành phố Hòa Bình về việc bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, chồng bị cáo mới mất, bố chồng 90 tuổi là người có công với cách mạng, hiện nay đang bị liệt người do tai biến phải có người chăm sóc, mẹ chồng cũng già yếu 85 tuổi vừa bị tai nạn

cần người chăm sóc, các con không có việc làm, bị cáo là lao động chính, là trụ cột của gia đình, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Bị cáo Nguyễn Thị O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm:

Trong vụ án này, các bị cáo bị truy tố ở khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt của tội phạm nghiêm trọng, mặt khác bị cáo Trần Thị L là đồng phạm với vai trò thực hành, cùng với bị cáo Nguyễn Thị O thực hiện hành vi vận chuyển 01 cá thể rắn Hồ chúa. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị L không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mặc dù mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo L là phù hợp nhưng việc nhận định bị cáo L phạm tội với vai trò thứ yếu từ đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị O.

Sửa bản án sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội: Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 244; Điều 17; điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị O cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị O thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị O phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/5/2021.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND TP.HB;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã H, TPH;
- Các bị cáo;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Trường